

CẢI TIẾN PHƯƠNG ÁN TÍNH ĐIỂM CÁC MÔN HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở ĐẠI HỌC

IMPROVING THE METHOD OF CALCULATING GRADE POINT AVERAGES FOR COURSES TO CONTRIBUTE TO RAISING THE HIGHER EDUCATION TRAINING QUALITY

NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

NGUYỄN QUANG LẠC – HÀ VĂN HÙNG

Trường Đại học Vinh

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sự khác nhau giữa các phương án tính điểm trung bình môn học hiện nay. Qua đó đề xuất phương án tính điểm trung bình môn học sao cho đảm bảo được tính chính xác, khách quan, tin cậy, và có tác dụng thúc đẩy hoạt động dạy và học ở đại học ngày càng tốt hơn.

ABSTRACT

This study investigates the difference between the current calculations of average point scores for courses. It also suggests methods of calculating the grade point averages to ensure exactness, objectiveness, confidence and to promote the learning and teaching activities in universities.

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của sinh viên (SV) là một khâu có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, là một yêu cầu thực tiễn của giáo dục đại học hiện nay. Mục đích cao nhất là tác dụng sư phạm, ảnh hưởng thúc đẩy hoạt động dạy và học ngày càng tốt hơn. Do đó điểm của môn học (MH) ở cuối học kỳ (HK) phải phản ánh đúng thực được kết quả (KQ) của quá trình nghiên cứu học tập MH đó, đồng thời KQ đó phải đảm bảo được tính chính xác, khách quan và tin cậy. Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu các phương án (PA) tính điểm MH với KQHT của SV.

1. Trước khi xem xét các PA tính điểm trung bình (ĐTB) của MH, chúng ta nghiên cứu công thức (CT) tính ĐTB chung hằng tiếp ở mọi HK : [1,9]

$$X = \sum_{i=1}^N n_i a_i / \sum_{i=1}^N n_i \quad (1)$$

Trong đó a_i là điểm thi kết thúc MH (học phần) thứ i , n_i là số môn học hằng tiếp (SVHT) thứ i , N là số MH đã học. Ưu điểm chính của CT (1) đã thể hiện được trọng số của MH thông qua hệ số n là ĐVHT của MH đó.

Nhưng điểm kiểm tra định kỳ cứ sau mỗi ĐVHT chỉ là điều kiện để dự thi kết thúc môn học, không được tính vào ĐTB của môn học. Nếu điểm kiểm tra đánh giá (KTGD) mà không tính vào ĐTB chung, dẫn đến việc KTGD chiếu lệ, không thường xuyên, không hệ thống... và sẽ không có điều kiện cụ thể để giúp đỡ SV uốn nắn kịp thời những sai sót, làm hạ thấp sự hứng thú, tích cực học tập của SV. Tâm lý chung của SV thường tập trung đối phó với kỳ thi

cuối HK, xem nhẹ quá trình tự học, tự rèn luyện, từ đó mà lan tràn tình trạng học tủ, học vẹt, tr«ng chē may rñi.

2. Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu, phương pháp KTĐG định kỳ bằng tr¼c nghiõm khách quan kết hợp với tự luận được dùng để thu thập số liệu. Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trên 14 lớp SV năm thứ 1, khoá 99 của Trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) Đà Nẵng. Tất cả SV đang học vật lý (VL) đại cương 1 gồm: Cơ học (34 tiết), Nhiệt học (15 tiết) và Điện học (26 tiết), do 3 giảng viên lâu năm giảng dạy trên cùng một giáo trình, một đề cương chung. Số SV trong nghiên cứu được chia làm 3 nhóm. Nhóm (1) (4 lớp = 182 SV), không được KTĐG định kỳ được chọn làm nhóm đối chứng, chỉ học theo chương trình đến cuối HK mới thi. Nhóm (2) (6 lớp = 260 SV) được KTĐG định kỳ 3 lần, sau khi học hết mỗi học phần Cơ học, Nhiệt học, Điện học. Nhóm (3) (4 lớp = 150 SV) được KTĐG 4 lần, cứ sau mỗi ĐVHT, nhóm (2) và nhóm (3) được chọn làm nhóm thực nghiệm.

3. Hiện nay, ở các trường ĐH của ta chưa có CT tính ĐTB của MH trong một HK, để phục vụ cho việc nghiên cứu chúng tôi đề xuất phương án tính ĐTB môn vật lý ở cuối HK, ký hiệu là TBVL_o như sau:

$$TBVL_o = (\$TB_{c,c} \text{ lợn kiõm tra} + \$iõm \text{ thi Lý kú 1})/2 \tag{2}$$

Cô thõ @èi víi nhĩm (2):

$$TBVL_o = [(C-1 + nhiõt + @iõn)/3 + \$iõm \text{ thi Lý kú 1}]/2$$

$$\text{Nhĩm (3): } TBVL_o = [(C-1 + C-2 + nhiõt + @iõn)/4 + \$iõm \text{ thi Lý kú 1}]/2$$

Nếu dùng CT (2) để tính ĐTB môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là TBVL_o cho SV ẽ c,c nhóm (2) và (3), iỄy TBVL_o thay cho @iõm thi m«n VL hắc kú 1 (Lyky1) @ó tĩnh \$TB chung học tập cuối HK1 theo công thức (1) cho nhóm (2) và (3) được ký hiệu là TBKY1_o. Nõu iỄy Lý kỳ 1 để tính ĐTB chung học tập của HK1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3) được ký hiệu là TBKY1.

Cũn nhóm (1) không được KTĐG định kỳ, chỉ có một con điểm là Lý kỳ 1, và lấy Lý kỳ 1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK 1 theo CT (1), cũng dùng ký hiệu là TBKY1.

4. Các số liệu được xử lý và phân tích bằng phương pháp (PP) thống kê định lượng với trỡ gióp cĩa phợn mềm SPSS. Theo ng«n ng÷ theng k^a, mềi liªn hõ gi÷a LYKY1, TBKY1, TBVL_o, TBKY1_o được đo bằng hệ số tương quan (HSTQ) pearson r. (SD: Độ lệch chuẩn), (điểm thi các môn học lấy từ Phòng Đào tạo của Trường ĐHBK Đà Nẵng)

B¶ng 1: \$iõm LYKY1, TBKY1, TBVL_o, TBKY1_o cĩa 3 nhĩm

\$iõm	Nhĩm (1)		Nhĩm (2)		Nhĩm (3)	
	\$TB	SD	\$TB	SD	\$TB	SD
LYKY1	4,621	1,181	5,257	1,236	6,020	1,228
TBKY1	5,223	0,768	5,503	0,854	5,888	0,779
TBVL_o			5,062	1,036	5,885	1,029
TBKY1_o			5,449	0,805	5,843	0,744

B¶ng 2: HSTQ gi÷a @iõm TBL Y1, TBKY1_o víi c,c m«n hắc ẽ HK1

Nhãm	§iôm	TBVL _o	LYKY1	TOAN1	TIN1	KTCT1	MTRUONG1	N.NGU1
(1)	TBKY1		0,731	0,546	0,638	0,542	0,415	0,525
(2)	TBKY1	0,433	0,602	0,444	0,642	0,532	0,491	0,564
	TBKY1 _o	0,511	0,462	0,480	0,659	0,553	0,529	0,608
(3)	TBKY1	0,432	0,572	0,472	0,686	0,476	0,412	0,527
	TBKY1 _o	0,508	0,417	0,532	0,700	0,530	0,491	0,577

Qua bảng 1, nếu lấy TBVL_o thay cho §iôm LYKY1 để tính §TB chung ở cuối HK1 (TBKY1_o) thì điểm TBKY1 và TBKY1_o khác nhau đáng kể.

Tổ chức kết quả ở bảng 2 cho thấy: Nếu lấy TBVL_o thay cho §iôm LYKY1 để tính §TB chung ở cuối HK 1 theo CT (1) thì HSTQ giữa TBKY1_o với các MH khác ở HK 1 đều lớn hơn HSTQ của TBKY1 với các MH ở HK 1. Điều đó nói lên rằng điểm LYKY1 chưa phản ánh được đầy đủ kết quả rèn luyện học tập môn VL của SV. Kú thi lý cuối HK 1 càng phức tạp, chu đáo cũng chưa đủ độ tin cậy, độ giá trị để đánh giá KQHT của SV trong cả một HK. Vậy ta nên lấy §iôm TBVL_o tính theo CT (2) để tính §TB môn VL ở HK 1 thay cho việc chỉ lấy §iôm thi LYKY1 để tính §TB môn VL cho cả HK 1.

5. Xem xét một số PA khác để tính ĐTB môn VL và ĐTB chung học tập ở cuối HK.

- Phương án tính ĐTB dưới đây là dựa theo cách tính ĐTB MH ở phổ thông trung học hiện nay, ký hiệu là: TBVL₁ [2; 54 - 56]

$$TBVL_1 = [(\text{§TB các môn kiểm tra}) \times 2 + \text{§iôm thi Lý kú 1}] / 3 \quad (3)$$

Nếu dùng CT (3) tính ĐTB cho môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là TBVL₁, lấy TBVL₁ thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3) được ký hiệu là TBKY1₁ (coi trọng KTĐG thường xuyên)

- Phương án tính ĐTB môn học dưới đây là dựa theo PA tính ĐTB môn học cuối HK ở một số ít trường Đại học hiện nay, ký hiệu là TBVL₂.

$$TBVL_2 = [\text{§TB các môn kiểm tra} + (2 \times \text{§iôm thi Lý kú 1})] / 3 \quad (4)$$

Nếu lấy CT (4) tính ĐTB môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là TBVL₂, lấy TBVL₂ thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK 1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3), được ký hiệu là TBKY1₂ (coi trọng thi kết thúc HK)

Bảng 3: §iôm trung bình TBVL₁, TBKY1₁, TBVL₂, TBKY1₂ của năm 2 & 3

§iôm	Năm (2)		Năm (3)	
	§TB	SD	§TB	SD
TBVL ₁	4,995	1,056	5,800	1,037
TBKY1 ₁	5,431	0,804	5,827	0,746
TBVL ₂	5,128	1,055	5,910	1,076
TBKY1 ₂	5,468	0,814	5,858	0,749

Bảng 4: HSTQ của §TB chung cuối HK tính theo c₁, c₂ PA với @iôm c₁, c₂ m«n ở HK 1

Nhãm	§iôm	TOAN1	TIN1	KTCT1	M.TRUONG1	N.NGU1
(2)	TBKY1	0,444	0,642	0,538	0,491	0,584
	TBKY1 ₀	0,480	0,659	0,553	0,529	0,608
	TBKY1 ₁	0,424	0,658	0,546	0,533	0,606
	TBKY1 ₂	0,432	0,656	0,555	0,522	0,606
(3)	TBKY1	0,472	0,686	0,476	0,412	0,527
	TBKY1 ₀	0,532	0,700	0,530	0,491	0,577
	TBKY1 ₁	0,537	0,693	0,533	0,505	0,561
	TBKY1 ₂	0,521	0,683	0,523	0,474	0,569

Sẽ liêu b¶ng 4 vò HSTQ gi÷a c₁, c₂ PA t¶nh §TB chung hãc t¶p ở cuèi HK 1 vói c₁, c₂ MH ở HK 1 ta nhñn xđt:

- Nẫu lēy @iôm TBVL₀ thay cho LYKY1 @ó t¶nh §TB chung TBKY1₀ th× HSTQ gi÷a TBKY1₀ vói c₁, c₂ MH ở HK1 @òu lín h-n HSTQ của TBKY₁ vói MH ở HK1.

- Nẫu lēy @iôm TBVL₁, TBVL₂ thay cho LYKY1 @ó t¶nh §TB chung TBKY1₁, TBKY1₂ th× HSTQ gi÷a TBKY1₁, TBKY1₂ vói c₁, c₂ MH ở HK1 kh₁, c₂ nhau kh«ng @₁, ng kó so vói HSTQ của TBKY1₀ vói c₁, c₂ m«n kh₁, c₂ ở HK1.

6. Kõt luēn

Theo CT (1) @ó t¶nh §TB chung ở mçi HK, th× @iôm của MH sau mét HK ch÷ dùa tr¶n căn cứ duy nhất là điểm số của bài thi cuối mỗi HK, chưa nói về chất lượng của kỳ thi này, chỉ riêng việc dựa vào một thông số nói trên thì không thể phản ánh được đầy đủ chính xác, khách quan KQ của mét qu₁, tr¶nh r¶n luyōn hãc t¶p của SV trong c¶ mét HK. Ở những nước có nền GDĐH phát triển, và tại các lớp "Kỹ sư chất lượng cao" của trường ĐHBKĐN, ngoài kỳ thi cuối HK thực hiện một cách khoa học, người ta sử dụng phối hợp nhiều phương pháp (PP) KTSG @pnh kú và còn căn cứ vào điểm của tất cả các đợt KTĐG trong HK. Đây là các điểm số khá ổn định, vì được tích lũy trong quá trình rèn luyện học tập khá dài của SV trong suốt một HK, việc dựa vào nhiều điểm số, chứ không phải một điểm số, sẽ phản ánh được chính x₁, c₂ KQHT của SV. Với ý tưởng như vậy trên cơ sở PP phân tích thống kê, và kết quả nghiên cứu, chúng t¶i @ò nghē₁, p dōng PP t¶nh §TB m«n hãc theo c«ng thøc (2) thay cho viōc ch÷ lēy @iôm thi Lý kú 1 @ó t¶nh §TB chung hãc t¶p ở cuèi mçi HK theo c«ng thøc (1).

* Qua bảng 1, và các kết quả nghiên cứu trước đây [4], các nhóm lớp được KTĐG định kú theo h¶nh thøc tr¶c nghiōm phèi h¶p vói tù luēn cũ kōt qu¶ hãc t¶p tèt h-n h¶n nhãm líp không được KTĐG định kỳ.

* Theo các nhà giáo dục thì bất kỳ một kỳ thi riêng lẻ nào, dĩ quan trãng @ōn @òu, cōng kh«ng @ñ @é tin cēy, gi₁, tr¶ @ó @₁, nh gi₁, kōt qu¶ r¶n luyōn hãc t¶p của SV trong mét HK hay mét kho₁, hãc. Do @ã §TB của tōng MH ph¶i t¶nh @iôm của tēt c¶ c₁, c₂ lçn kiōm tra trong HK và điểm thi HK của môn đó.

* Điểm của các bài KTĐG định kỳ phải được tính vào DTB của từng MH theo CT (2). Vì các bài KTĐG được soạn thảo cẩn thận, được xem như phương tiện kiểm tra kiến thức kỹ năng của SV, đồng thời có thể xem như một cách diễn đạt mục tiêu giáo dục đòi hỏi SV phải đạt được, nó có tác dụng định hướng PP học tập tích cực tự lực của SV. Mặt khác, nếu giảng viên biết dựa vào các bài KTĐG, tổ chức thảo luận một cách khoa học, đúng lúc có thể xem như một PP dạy học tích cực, giúp SV nắm được nội dung bài học một cách sâu sắc, vững chắc, đồng thời giúp cho giảng viên đưa ra các biện pháp điều chỉnh hoạt động dạy học cần thiết, thích hợp.

Do đã STB môn học phải tính ĐTB của các bài KTĐG trong suốt HK cũng với điểm thi cuối HK môn học đó. Như vậy mới đảm bảo được việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở SH.

Ngoài kết quả dựa vào thực nghiệm, chúng tôi đề nghị PA tính ĐTB môn VL theo CT (2) còn dựa trên cách tính ĐTB của từng MH của "Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao PFIEV" theo hướng dẫn số 4677/ĐH của BGD và ĐT [3].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Qui chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho các hệ Đại học và Cao đẳng chính qui*, Ban hành theo QĐ 04/1999/QĐ-BGD & ĐT, 1999.
- [2] Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc, *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Đề tài KX 07 – 08, Hà Nội, 1995.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn số 4667/ĐH của Bộ GD và ĐT về cách tính điểm trung bình cho các môn học của chương trình đào tạo KSCLC – PFIEV*, 1999.
- [4] Nguyễn Bảo Hoàng Thanh, *Đánh giá định kỳ ở lớp học và thành tích học tập của các lớp SV*, TC ĐH và GDCN, 2001 (3) tr 23, 24, 2001.
- [5] Nguyễn Bảo Hoàng Thanh, *Luận án Tiến sĩ Giáo dục*, Vinh, 2003.